

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 64/2019/HN-ST

Ngày: 31/01/2019

V/v “Chia tài sản chung vợ
chồng trong thời kỳ hôn nhân”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Giang**.
Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “*Chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Văn Bé H**, sinh năm 1972.

Cư trú: ấp Thanh Đăng B, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988.

Trú tại: ấp Đăng Phong Trên, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Phạm Thị Tuyết M**, sinh năm 1973.

Cư trú: ấp Thanh Đăng B, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ô 1, Khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: ông Hứa Văn B – Chi cục Trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn M – Chấp hành viên.

2/ Công ty cổ phần Thương mại B.

Địa chỉ: Số 67 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc

3/ Phạm Quốc C, sinh năm 1983.

Cư trú: ấp Bình Long, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

4/ Trương Văn T, sinh năm 1955.

Cư trú: ấp Đăng Phong, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

5/ Bùi Thị T, sinh năm 1972.

Cư trú: ấp Bình Phú, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

6/ Trần Thị Bé P, sinh năm 1976.

Cư trú: ấp Trường Xuân A, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

7/ Nguyễn Thị S, sinh năm 1954.

Cư trú: ấp Bình Long, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, chị M, chị T, ông T, bà S có mặt; Công ty cổ phần thương mại B, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, chị P, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện ủy quyền nguyên đơn chị N trình bày:*

Anh Nguyễn Văn Bé H và chị Nguyễn Thị Tuyết M cưới nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58, quyền số 01/2009 ngày 24/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo. Trong thời gian vợ chồng chung sống giữa anh Bé H và chị M có thuê của Công ty cổ phần Thương mại B 01 ki ốt kinh doanh tại chợ Thanh Bình, huyện Chợ Gạo theo hợp đồng cho thuê mặt bằng số 11NLC/2015/HĐTMB-CTB ngày 10/02/2015 có số hiệu K - 11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang có diện tích 15m² thời hạn thuê là 15 năm từ ngày 01/3/2015 đến ngày 28/02/2030 giá thuê là 250.000.000đồng.

Theo hợp đồng thì chỉ một mình chị M ký hợp đồng thuê nhưng tiền thuê là tài sản chung giữa vợ chồng anh chị. Từ khi thuê cho đến nay, anh Bé H là người trực tiếp quản lý ki ốt để buôn bán. Do chị M thiếu nợ và được Tòa án giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nên Chi cục thi hành án dân sự huyện A đã tiến hành cưỡng chế tài sản là ki ốt nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Ki ốt do anh Bé H đang quản lý, sử dụng để buôn bán tại Chợ Thanh Bình nên anh Bé H yêu cầu được tiếp tục quản lý Ki ốt.

Nay, anh Bé H yêu cầu chia đôi tài sản của vợ chồng anh chị là ki ốt số hiệu số K - 11 tại chợ Thanh Bình, tại ấp Đăng Phong, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh Bé H yêu cầu được nhận bằng hiện vật là ki ốt số hiệu K - 11, anh đồng ý giao lại ½ giá trị cho chị M. Ngoài ra, anh Bé H không yêu cầu tài sản nào khác.

Ngày 28/9/2015, anh Bé H, chị M có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp là Ki ốt có số hiệu K -11 (dãy nhà lồng chợ chính) thuộc Khu thương mại Thanh Bình theo hợp

đồng thể chấp điểm kinh doanh số 019 đến nay, đã hoàn tất xong nợ, không còn thể chấp vay Ngân hàng nữa.

** Bị đơn chị Phạm Thị Tuyết M trình bày:*

Chị thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện ủy quyền của anh Bé H. Chị thừa nhận số tiền thuê Ki ốt đang tranh chấp 250.000.000đồng là tài sản chung của chị và anh Bé H. Do chị thiếu nợ nhiều người được giải quyết bằng Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật nên Thi hành án cưỡng chế tài sản là Ki ốt được chị thuê của Công ty cổ phần thương mại B theo hợp đồng cho thuê mặt bằng số 11NLC/2015/HĐTMB-CTB ngày 10/02/2015 có số hiệu K - 11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang có diện tích 15m² thời hạn thuê là 15 năm từ ngày 01/3/2015 đến ngày 28/02/2030 giá thuê là 250.000.000đồng. Từ khi thuê đến nay, anh Bé H là người quản lý, sử dụng ki ốt đến bán nước giải khát.

Nay, anh Bé H tranh chấp yêu cầu chia đôi giá trị thuê Ki ốt, chị đồng ý giao cho anh Bé H tiếp tục quản lý, sử dụng Ki ốt, chị nhận bằng giá trị. Chị cũng thống nhất với giá Hội đồng định giá là 191.655.000đồng.

Ngày 28/9/2015, chị và anh Bé H có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp là Ki ốt có số hiệu K -11 (dãy nhà lồng chợ chính) thuộc Khu thương mại Thanh Bình theo hợp đồng thế chấp điểm kinh doanh số 019 đến nay, đã hoàn tất xong, không còn thể chấp vay Ngân hàng nữa.

** Đại diện ủy quyền Chi cục thi hành án dân sự huyện A, anh M trình bày:*

Anh Bé H và chị M kết hôn vào năm 2009. Do đó, số tiền nợ được phát sinh của các đương sự Bùi Thị T, Trần Thị Bé P, Trương Văn T và Nguyễn Thị S trong thời kỳ hôn nhân của chị M và anh Bé H. Nếu anh Bé H yêu cầu chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là ki ốt có số hiệu K- 11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình thì cần phải chia đôi cả số nợ chung đối với các chủ nợ là anh T, chị T, chị P, chị S. Không bao gồm phần thi hành án của anh C vì anh C yêu cầu thi hành án sau khi có quyết định cưỡng chế tài sản.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh C trình bày:*

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 241/2018/QĐST-DS ngày 10/8/2018 thì bà M, ông Bé H có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 543.150.000 đồng. Theo Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1599/QĐ-CCTHADS ngày 10/9/2018 thi hành án đối với số tiền nêu trên. Nay theo đơn yêu cầu chia ki ốt của ông Bé H, bà M, anh cũng đồng ý, không có ý kiến gì.

Nay, anh xin tự nguyện sẽ là người đứng ra trả nợ thay cho bà M cụ thể như sau:

Căn cứ giá trị Hội đồng định giá của Ki ốt là 191.655.000đồng, anh thống nhất với kết quả này. Lấy số tiền 191.655.000đồng chia đôi cho bà M, ông Bé H thì mỗi người nhận 95.827.500đồng. Số tiền bà M nhận được 95.827.500đồng chia theo tỉ lệ cho 05 chủ nợ là anh, ông T, chị P, bà S và chị T. Anh sẽ là người bỏ tiền ra để trả theo tỉ lệ để anh được mua lại Ki ốt này.

Anh trả cho ông Trương Văn T là 15.000.000đồng, trả cho chị Trần Thị Bé P là 15.000.000đồng, trả cho bà Nguyễn Thị S là 10.000.000đồng, trả cho chị Bùi Thị T là 10.000.000đồng, anh sẽ nhận 45.827.000đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị P trình bày:*

Theo Bản án số 48/2017/DSST ngày 03/5/2017 đã có hiệu lực pháp luật thì chị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 50.000.000đồng. Sau khi bản án có hiệu lực chị đã làm đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đã tiến hành xác minh tài sản, cưỡng chế tài sản của chị M là Kí ốt có số hiệu K - 11 tại Chợ Thanh Bình để đảm bảo thi hành án.

Chị đồng ý để vợ chồng anh Bé H, chị M chia kí ốt số hiệu K - 11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình nhưng với điều kiện là anh Bé H phải có nghĩa vụ cùng chị M trả số tiền nợ 50.000.000 đồng (mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền này) cho chị. Nếu anh Bé H không đồng ý thì chị không đồng ý để vợ chồng anh chị tranh chấp.

Đối với ý kiến tự nguyện anh C trả cho chị 15.000.000đồng, chị không đồng ý nhận số tiền này. Chị yêu cầu nếu chia đôi giá trị Kí ốt nêu trên thì phần chị M được nhận 95.827.500đồng phải chia cho 04 người gồm: chị, ông T, bà S và chị T, không chia cho anh C vì anh C yêu cầu thi hành án sau khi đã có quyết định cưỡng chế tài sản.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T trình bày:*

Theo Bản án số 21/2017/DSST ngày 07/03/2017 đã có hiệu lực pháp luật thì chị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 57.500.000đồng. Sau khi bản án có hiệu lực ông đã làm đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đã tiến hành xác minh tài sản, cưỡng chế tài sản của chị M là kí ốt có số hiệu K - 11 tại Chợ Thanh Bình để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình cưỡng chế thì anh Nguyễn Văn Bé H tranh chấp Kí ốt này

Ông đồng ý để vợ chồng anh Bé H, chị M chia kí ốt số hiệu K -11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình nhưng với điều kiện là anh Bé H phải có nghĩa vụ cùng chị M trả số tiền nợ 57.500.000 đồng (mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền này) cho ông. Nếu anh Bé H không đồng ý thì ông không đồng ý để vợ chồng anh chị tranh chấp.

Đối với ý kiến tự nguyện anh C trả cho ông 15.000.000đồng, ông không đồng ý nhận.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà S trình bày:*

Theo Bản án số 50/2017/DSST ngày 04/5/2017 đã có hiệu lực pháp luật thì chị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 21.000.000đồng. Sau khi bản án có hiệu lực bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đã tiến hành xác minh tài sản, cưỡng chế tài sản của chị M là Kí ốt có số hiệu K-11 tại Chợ Thanh Bình để đảm bảo thi hành án.

Bà đồng ý để vợ chồng anh Bé H, chị M chia kiot số hiệu K - 11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình nhưng với điều kiện là anh Bé H phải có nghĩa vụ cùng chị M trả số tiền nợ 21.000.000 đồng (mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền này) cho bà. Nếu anh Bé H không đồng ý thì bà không đồng ý để vợ chồng anh chị tranh chấp.

Đối với ý kiến tự nguyện anh C trả cho bà 10.000.000đồng, bà đồng ý nhận số tiền này.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T trình bày:*

Theo Bản án số 20/2017/DSST ngày 07/03/2017 đã có hiệu lực pháp luật thì chị Tuyết Mai có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 20.000.000đồng. Sau khi bản án có hiệu lực chị đã làm đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đã tiến hành xác minh tài sản, cưỡng chế tài sản của chị M là Kí ốt có số hiệu K - 11 tại Chợ Thanh Bình để đảm bảo thi hành án.

Nay, chị đồng ý để vợ chồng anh Bé H, chị M chia ki ốt số hiệu K -11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình nhưng với điều kiện là anh Bé H phải có nghĩa vụ cùng chị M trả số tiền nợ 20.000.000 đồng (mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền này) cho chị. Nếu anh Bé H không đồng ý thì chị không đồng ý để vợ chồng anh chị tranh chấp.

Đối với ý kiến tự nguyện anh C trả cho chị 10.000.000đồng, chị đồng ý nhận số tiền này.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần thương mại B* vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 33, 39 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh Bé H về việc chia tài sản chung là giá trị còn lại của ki ốt là 191.655.000đồng. Anh Bé H có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Mai $\frac{1}{2}$ giá trị thuê ki ốt tương ứng với số tiền 95.827.000đồng. Anh Bé H được quyền sử dụng ki ốt theo Hợp đồng cho thuê mặt bằng số 11NLC/2015/HĐTMB-CTB ngày 10/02/2015, có số hiệu ki ốt K-11 thuộc dãy ki ốt nhà lồng chợ chính tại Chợ Thanh Bình, tọa lạc ấp Đăng Phong, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang, diện tích 15m², kết cấu: Cột bê tông, vách tường, mái tole, cửa sắt cuốn, trần thạch cao, nền lát gạch men, thời hạn thuê là 15 năm kể từ ngày 01/03/2015 đến hết ngày 28/02/2030.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần thương mại B, chị Trần Thị Bé P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228

của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty, chị Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, anh Nguyễn Quốc C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Chi cục Thi hành án và anh C.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn Bé H và chị Phạm Thị Tuyết M là tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Bé H và chị M cưới nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58, quyển số 01/2009 ngày 24/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo. Hiện nay, anh chị vẫn còn là vợ chồng, tuy nhiên do chị M đang có nghĩa vụ thi hành khoản nợ của các Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Chi cục thi hành án dân sự huyện A đã tiến hành cưỡng chế tài sản là ki ốt có số hiệu K-11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo thi hành án. Do đó, anh Bé H khởi kiện yêu cầu chia đôi giá trị thuê tài sản của anh Bé H và chị M trong thời kỳ hôn nhân là ki ốt số hiệu số K-11. Anh Bé H yêu cầu được nhận bằng hiện vật là ki ốt số hiệu K - 11, anh đồng ý giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị thuê cho chị M. Ngoài ra, anh Bé H không yêu cầu tài sản nào khác.

Xét thấy, anh Bé H và chị M có thuê của Công ty cổ phần Thương mại B một ki ốt kinh doanh tại chợ Thanh Bình, huyện Chợ Gạo theo hợp đồng cho thuê mặt bằng số 11NLC/2015/HĐTMB-CTB ngày 10/02/2015 có số hiệu K-11 thuộc nhà lồng chợ Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang có diện tích 15m², thời hạn thuê là 15 năm từ ngày 01/3/2015 đến ngày 28/02/2030 giá thuê là 250.000.000đồng. Mặc dù hợp đồng chỉ có chị M là người đứng tên thuê nhưng tiền thuê là tài sản chung giữa vợ chồng anh chị. Từ khi thuê cho đến nay, anh Bé H là người trực tiếp quản lý, sử dụng ki ốt để buôn bán. Nhận định này cũng phù hợp với lời trình bày của chị M và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ xác định giá trị thuê ki ốt có số hiệu K - 11 nêu trên là tài sản chung của anh Bé H và chị M được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu chia tài sản của anh Bé H là có cơ sở. Theo biên bản định giá ngày 24/10/2018 của Hội đồng định giá thì giá trị thuê còn lại của ki ốt số hiệu K - 11 là 191.655.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần buộc anh Bé H giao cho chị M số tiền 95.827.500 đồng (giá trị thuê 1/2 ki ốt), làm một lần ngay khi án có hiệu lực là phù hợp Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 213 Bộ luật dân sự. Anh Bé H được quyền sử dụng toàn bộ mặt bằng ki ốt số hiệu K-11 thuộc dãy nhà lồng chợ chính thuộc phạm vi chợ Thanh Bình, diện tích 15m², có kết cấu: Cột bê tông, vách tường, mái tole, cửa sắt cuốn, trần thạch cao, nền lát gạch men, thời gian thuê 15 năm kể từ ngày 01/03/2015 đến hết ngày 28/02/2030. Ngoài ra, các đương sự không tranh chấp chi phí định giá tài sản tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: anh Bé Bé H, chị M phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 33, Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Điều 213 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Bé H.

Anh Nguyễn Văn Bé H được quyền sử dụng toàn bộ mặt bằng Ki-ốt số hiệu K-11 thuộc dãy nhà lồng chợ chính thuộc phạm vi chợ Thanh Bình. Diện tích 15m², có kết cấu: Cột bê tông, vách tường, mái tole, cửa sắt cuốn, trần thạch cao, nền lát gạch men.

Địa chỉ: ấp Đăng Phong, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(Theo hợp đồng cho thuê mặt bằng (Cho thuê ki-ốt kinh doanh tại chợ Thanh Bình) số 11BLC/2015/HDDTMB-CTB ngày 10/02/2015 giữa chị Phạm Thị Tuyết M với Công ty cổ phần thương mại B).

Anh Nguyễn Văn Bé H có nghĩa vụ giao cho chị Phạm Thị Tuyết M số tiền 95.827.500đồng (trị giá ½ giá trị thuê ki-ốt), thời gian giao làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh Bé H chậm giao số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí:**

+ Anh Nguyễn Văn Bé H phải chịu số tiền 4.791.000đồng án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 1.750.000đồng theo biên lai số 0015111 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, anh Bé H còn phải nộp số tiền 3.041.000đồng.

+ Chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu số tiền 4.791.000đồng án phí chia tài sản.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Công ty cổ phần thương mại B, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, anh C, chị P kháng cáo kể từ nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình